

KẾT QUẢ THI TIN HỌC

Đợt thi tháng 09 năm 2025

Môn thi: ACCB

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	NG. SINH	ĐIỂM	Đạt	Ghi chú
1	DƯƠNG QUỐC	AN	21157043	04/11/2003	8.80	x	
2	MAI PHÚC	AN	22115001	11/10/2004	7.80	x	
3	NGUYỄN THÀNH	AN	22129001	18/09/2004	8.30	x	
4	PHẠM HOÀNG	AN	19125475	28/07/2001	7.50	x	
5	TRẦN NGỌC MỸ	AN	23126004	02/12/2005	7.40	x	
6	HOÀNG TUẤN	ANH	23126009	10/05/2005	7.90	x	
7	HUỲNH THỊ LAN	ANH	22120006	07/11/2004	7.80	x	
8	LÊ HOÀNG	ANH	21124292	09/11/2003	10.00	x	
9	LÊ ĐỨC	ANH	21112379	19/05/2003	10.00	x	
10	ĐÀO MINH	ANH	22145002	12/12/2004	6.30	x	
11	NGUYỄN NHẬT	ANH	23154003	31/08/2005	8.10	x	
12	NGUYỄN THỊ VÂN	ANH	22126012	12/10/2004	5.00	x	
13	NGUYỄN TUYẾT	ANH	24116007	01/10/2006	5.00	x	
14	PHẠM MAI	ANH	23126012	24/05/2005	6.50	x	
15	PHẠM TRẦN THỊ QUỲNH	ANH	23129029	13/09/2005	6.00	x	
16	PHAN THỊ MAI	ANH	21125022	04/09/2003	7.90	x	
17	QUÁCH NGUYỄN TUẤN	ANH	22139004	04/05/2004	7.80	x	
18	TRẦN THỊ KIM	ANH	22122020	10/01/2004	8.60	x	
19	LÊ THỊ DIỆU	ÁI	23123001	17/06/2005	7.80	x	
20	ĐINH KHẢ	ÁI	22128001	05/08/2004	6.80	x	
21	QUÁCH KHẢ	ÁI	22145001	04/09/2004	6.60	x	
22	TRƯƠNG THỊ NGỌC	ÁNH	23112019	28/06/2005	8.40	x	
23	VÕ PHAN NHẬT	ÁNH	21157046	26/06/2003	7.60	x	
24	NGÔ VĂN	BÁCH	23129040	01/12/2005	5.00	x	
25	HUỲNH LÊ GIA	BẢO	22124260	05/11/2004	5.00	x	
26	NGUYỄN ĐỨC THÁI	BẢO	23126017	24/12/2005	6.90	x	
27	NGUYỄN TẤN	BẢO	20126190	01/09/2002	8.90	x	
28	TRƯƠNG GIA	BẢO	21111197	07/09/2003	6.50	x	
29	NGUYỄN THANH	BÌNH	20213037	29/06/1976	2.50		

KẾT QUẢ THI TIN HỌC

Đợt thi tháng 09 năm 2025

Môn thi: ACCB

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	NG. SINH	ĐIỂM	Đạt	Ghi chú
30	NGUYỄN THY	CÁC	23129051	08/10/2005	5.50	x	
31	LÊ DƯƠNG KHÁNH	CHI	24126273		3.50		
32	PHẠM THỊ KIM	CHI	23129059	10/01/2005	6.80	x	
33	VÕ THIÊN	CHÍ	20154090	14/04/2001	6.60	x	
34	ĐIỀU	CHƯƠNG	22115007	06/12/2004	6.30	x	
35	VÕ HIẾN	CHƯƠNG	22117005	20/11/2004	3.10		
36	K'	CƠ	24113018		8.40	x	
37	CHÂU THỊ KIM	CƯỜNG	23128019	15/10/2005	10.00	x	
38	NGUYỄN CHÍ	CƯỜNG	21118187	26/11/2003	6.30	x	
39	NGUYỄN VĂN	CƯỜNG	21111202	14/04/2003	6.90	x	
40	PHẠM HÙNG	CƯỜNG	21118191	31/01/2003	3.10		
41	NGUYỄN CÔNG	DANH	23145015	14/07/2005	2.00		
42	TRẦN CÔNG	DANH	21118197	10/03/2003	6.50	x	
43	NGUYỄN NGỌC	DIỄM	23129089	23/04/2005	5.00	x	
44	NGUYỄN THỊ HỒNG	DIỄM	22113013	17/05/2004	7.80	x	
45	CÙ THỊ MỸ	DIỆN	23129090	28/09/2005	8.30	x	
46	NGUYỄN LÊ	DƯƠNG	21130030	27/03/2003	8.10	x	
47	TRẦN VĂN	DƯƠNG	23124041	02/08/1991	7.30	x	
48	NGÔ HOÀNG	DUNG	22120029	25/05/2004	10.00	x	
49	NGUYỄN THỊ MỸ	DUNG	22122054	22/08/2004	6.30	x	
50	LÊ ĐÌNH	DŨNG	21135260	28/07/2003	7.90	x	
51	LÊ KHÁNH	DUY	22153026	27/08/2004	8.30	x	
52	NGUYỄN NGỌC	DUY	23129103	17/05/2005	7.80	x	
53	PHÙNG KHÁNH	DUY	20118151	23/11/2002	8.90	x	
54	NGUYỄN THỊ MỸ	DUYÊN	23126047	11/03/2005	5.50	x	
55	ĐÌNH THỊ ÁNH	DUYÊN	23126045	01/07/2004	5.80	x	
56	TRẦN KIM	DUYÊN	22128039	25/08/2004	7.50	x	
57	TRẦN THỊ MỸ	DUYÊN	22129052	22/11/2004	7.30	x	
58	TRẦN THỊ NGỌC	DUYÊN	23139011	12/12/2005	10.00	x	

KẾT QUẢ THI TIN HỌC

Đợt thi tháng 09 năm 2025

Môn thi: ACCB

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	NG. SINH	ĐIỂM	Đạt	Ghi chú
59	THÁI THỊ HỒNG	GẮM	24116031	11/12/2005	10.00	x	
60	NGUYỄN THỊ QUỲNH	GIANG	24116032	13/06/2006	8.10	x	
61	ĐỒNG THANH	GIANG	21112057	10/06/2003	10.00	x	
62	TRẦN HOÀNG	GIANG	22124047	22/09/2004	5.00	x	
63	NGUYỄN THỊ ANH	GIAO	21125082	29/03/2003	5.00	x	
64	LÊ TRẦN NGỌC	HÂN	23129120	18/05/2005	6.10	x	
65	LƯƠNG HUỲNH NGỌC	HÂN	23112067	17/01/2005	9.40	x	
66	NGUYỄN HỒ NGỌC	HÂN	23124055	18/02/2005	6.40	x	
67	NGUYỄN HOÀNG TÚ	HÂN	22115021	10/06/2004	8.30	x	
68	NGUYỄN VÕ TRÚC	HÂN	23135012	09/09/2005	5.00	x	
69	TRƯƠNG MỸ	HÂN	22155030	16/11/2004	7.40	x	
70	VŨ TRẦN TÚ	HÂN	22122082	22/08/2004	8.30	x	
71	NGUYỄN THỊ THU	HẰNG	21112438	25/05/2003	8.90	x	
72	LÊ THỊ MỸ	HẠNH	22122090	10/02/2004	5.50	x	
73	LƯU THỊ BÍCH	HẠNH	23149035	19/08/2005	8.10	x	
74	PHẠM HỒNG	HẠNH	23149036	08/11/2005	8.40	x	
75	PHẠM THỊ HỒNG	HẠNH	23126057	08/05/2005	9.40	x	
76	HUỲNH VĂN VŨ	HÀ	22153027	01/02/2004	7.40	x	
77	NGUYỄN THỊ THU	HÀ	23124051	23/04/2005	2.50		
78	PHẠM NHẬT	HÀO	23139016	06/08/2005	7.40	x	
79	HOA XOÀI	HÊN	21118230	10/11/2003	9.10	x	
80	LẠI THANH	HIỀN	23123027	13/10/2005	10.00	x	
81	LÊ QUỐC	HIỀN	21118231	21/11/2003	8.80	x	
82	NGUYỄN	HIỀN	22112096	24/01/2004	8.40	x	
83	PHAN HỒNG THẢO	HIỀN	20115201	19/09/2002	7.90	x	
84	LÊ THỊ TÚ	HIỀN	24122054	03/07/2006	6.90	x	
85	NGUYỄN VINH	HIỂN	24155042		5.00	x	
86	BÙI THỊ	HIỆP	23117011	20/05/2005	8.80	x	
87	NGUYỄN MINH	HIỆP	20213006	07/07/1982	2.00		

KẾT QUẢ THI TIN HỌC

Đợt thi tháng 09 năm 2025

Môn thi: ACCB

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	NG. SINH	ĐIỂM	Đạt	Ghi chú
88	HUỖNH TẤN	HIỂU	22120052	02/08/2004	7.80	x	
89	NGUYỄN CHÍ	HIỂU	23126061	14/07/2005	7.90	x	
90	NGUYỄN HOÀNG	HIỂU	21139291	24/12/2003	7.40	x	
91	NGUYỄN HUỖNH MINH	HIỂU	22127009	09/07/2004	7.50	x	
92	PHAN VĂN	HIỂU	23153019	01/02/2005	7.40	x	
93	TRỊNH THẾ	HIỂU	21113020	09/02/2003	7.90	x	
94	NGUYỄN THỊ QUỲNH	HOA	22122111	29/04/2004	5.50	x	
95	PHẠM THỊ HỒNG	HOA	22122112	20/03/2004	8.00	x	
96	NGUYỄN THỊ	HOAN	21111247	26/09/2003	6.80	x	
97	NGUYỄN NGUYỄN SƠN	HỒNG	22129091	10/10/2004	7.40	x	
98	HỒ THỊ MỸ	HOÀI	23122074	13/04/2005	8.40	x	
99	TÔ MINH	HOÀI	22116026	15/09/2004	7.90	x	
100	TRẦN DIỆU	HOÀN	22128055	09/03/2004	8.00	x	
101	NGUYỄN DANH	HOÀNG	21165012	09/12/2003	7.80	x	
102	NGUYỄN NGỌC	HOÀNG	22113026	14/07/2004	9.30	x	
103	VÕ VĂN	HOÀNG	24113047	16/07/2006	5.00	x	
104	ĐÀO THỊ BÍCH	HỘP	20122324	15/11/2002	7.40	x	
105	HUỖNH LÊ THÁI	HƯNG	22116031	19/07/2004	0.00		
106	NGUYỄN LÊ TIẾN	HƯNG	22124072	19/08/2004	9.10	x	
107	NGUYỄN PHAN NGUYỄN	HƯNG	23120056	09/01/2005	8.30	x	
108	TRẦN NGUYỄN	HƯNG	21118252	05/06/2003	6.60	x	
109	BÙI KHÁNH	HÒA	23157022	19/11/2005	2.10		
110	NGUYỄN THỊ KHÁNH	HÒA	23122072	26/10/2005	7.40	x	
111	BÙI LAN	HƯỚNG	23157025	10/10/2005	6.30	x	
112	DƯƠNG THỊ THANH	HƯỚNG	24113051	08/05/2006	6.00	x	
113	ĐÀO THỊ DIỄM	HƯỚNG	24155056	11/03/2006	8.90	x	
114	ĐÀO THU	HƯỚNG	23123033	24/02/2005	8.90	x	
115	NGUYỄN NGỌC LAN	HƯỚNG	22155042	07/09/2004	5.00	x	
116	NGUYỄN QUỲNH	HƯỚNG	23122085	09/05/2005	7.00	x	

KẾT QUẢ THI TIN HỌC

Đợt thi tháng 09 năm 2025

Môn thi: ACCB

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	NG. SINH	ĐIỂM	Đạt	Ghi chú
117	LÊ THỊ CẨM	HƯỜNG	23122089	11/09/2005	8.90	x	
118	NGUYỄN QUỐC	HỮU	21113193	09/02/2003	5.00	x	
119	LÂM GIA	HUỆ	21125120	10/04/2003	5.50	x	
120	HỒ GIA	HUY	20153087	16/05/2002	5.50	x	
121	LÊ ĐỨC	HUY	23124078	17/04/2005	6.50	x	
122	LƯƠNG QUANG	HUY	24113058	18/03/2006	8.60	x	
123	NGUYỄN KHÁNH	HUY	23126073	02/08/2005	6.60	x	
124	NGUYỄN ĐỨC	HUY	23126072	18/10/2005	8.90	x	
125	NGUYỄN TRỌNG ANH	HUY	23129166	14/03/2005	7.60	x	
126	NGUYỄN VÕ NAM	HUY	22129099	14/01/2004	7.50	x	
127	ĐỖ PHÁT	HUY	23120062	22/07/2005	8.00	x	
128	PHẠM NGỌC	HUY	21118261	01/12/2003	7.90	x	
129	PHẠM QUỐC	HUY	22112126	14/02/2004	8.60	x	
130	PHAN GIA	HUY	20139227	30/09/2002	5.00	x	
131	PHAN NHỰT	HUY	21113198	21/06/2003	3.10		
132	TỔNG GIA	HUY	22129101	25/08/2004	5.50	x	
133	CAO MỸ	HUYỀN	23124086	13/02/2005	5.00	x	
134	VÕ NGUYỄN THỊ MỸ	HUYỀN	21145030	26/02/2003	6.50	x	
135	NGUYỄN THỊ MỘNG	HUYỀNH	23112088	20/08/2005	9.10	x	
136	LÊ TẤN	KHA	22118069	03/06/2004	6.60	x	
137	ĐÀO THỊ MINH	KHA	22129109	07/11/2004	5.00	x	
138	NGUYỄN HOÀNG	KHA	23152018	03/10/2005	6.30	x	
139	LÊ DUY	KHANG	23112091	02/10/2005	8.80	x	
140	LÊ ĐÌNH	KHANG	22139032	28/09/2004	8.40	x	
141	ĐỖ HOÀNG	KHANG	22113028	03/05/2004	6.30	x	
142	PHẠM LÊ DUY	KHANG	24123057	27/10/2006	9.10	x	
143	TRẦN TUẤN	KHANG	22137038	30/06/2004	5.50	x	
144	TRƯƠNG MINH	KHANG	22122139	19/01/2004	7.50	x	
145	HOÀNG THIÊN	KHANH	20111213	29/08/2002	5.50	x	

KẾT QUẢ THI TIN HỌC

Đợt thi tháng 09 năm 2025

Môn thi: ACCB

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	NG. SINH	ĐIỂM	Đạt	Ghi chú
146	NGUYỄN BÙI KIM	KHÁNH	22622002	04/07/2004	8.80	x	
147	TRẦN DUY	KHÁNH	22122140	31/03/2002	8.60	x	
148	MAI GIA	KHIÊM	22113030	09/01/2004	7.10	x	
149	NGUYỄN ANH	KHOA	24152016		8.90	x	
150	NGUYỄN NGỌC	KHOA	23149048	10/12/2005	5.50	x	
151	NGUYỄN THANH	KHOA	20112254	29/09/2002	7.90	x	
152	NÔNG CAO ĐĂNG	KHOA	23127017	05/10/2005	8.10	x	
153	PHAN NGUYỄN ĐĂNG	KHOA	22116041	04/08/2004	3.00		
154	NGUYỄN ANH	KHÔI	23112102	04/09/2005	8.40	x	
155	PHAN THÁI	KHÔI	22124092	02/01/2003	6.30	x	
156	PHAN TRẦN BẢO	KHUYÊN	21139073	19/06/2003	9.10	x	
157	HUỲNH TRUNG	KIÊN	23120076	06/07/2004	6.60	x	
158	BÙI GIA	KIỆT	23138046	06/07/2005	8.10	x	
159	NGUYỄN ANH	KIỆT	21112483	07/10/2003	6.10	x	
160	NGUYỄN TUẤN	KIỆT	23129192	04/01/2005	3.60		
161	TRƯƠNG TUẤN	KIỆT	23127019	23/03/2005	10.00	x	
162	TRẦN THỊ THỦY	KIỀU	23122113	01/08/2005	7.80	x	
163	VĂN HỒ HOÀNG	KIM	20126276	04/06/2001	5.50	x	
164	ĐỖ ĐÌNH	LÂM	22149034	16/01/2004	5.50	x	
165	TRƯƠNG NGỌC	LÂM	21153043	05/01/2003	8.90	x	
166	LÝ NGỌC	LAM	22112151	25/05/2004	8.40	x	
167	ĐÀO THANH	LAN	22113036	26/03/2004	8.30	x	
168	NGUYỄN THỊ	LAN	23126091	27/04/2005	8.30	x	
169	TỪ THỊ TIẾT	LÊ	23163016	19/02/2005	7.00	x	
170	NGUYỄN HỮU	LỄ	24145082		8.10	x	
171	HỒ ÁNH	LINH	22123060	07/05/2004	3.10		
172	LÊ THỊ THÙY	LINH	23149053	27/03/2005	6.40	x	
173	NGÔ QUAN	LINH	23154037	05/06/2005	5.00	x	
174	NGUYỄN CẢNH	LINH	22120079	17/11/2004	7.40	x	

KẾT QUẢ THI TIN HỌC

Đợt thi tháng 09 năm 2025

Môn thi: ACCB

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	NG. SINH	ĐIỂM	Đạt	Ghi chú
175	NGUYỄN HOÀNG THẢO	LINH	22139044	11/02/2004	9.30	x	
176	NGUYỄN NGỌC	LINH	24123070	04/04/2006	6.90	x	
177	NGUYỄN NGỌC KHÁNH	LINH	21125174	27/03/2003	5.00	x	
178	NGUYỄN THỊ HỒNG	LINH	22122168	22/05/2004	8.40	x	
179	NGUYỄN THỊ MỸ	LINH	22120081	19/09/2004	5.00	x	
180	ĐIỀU THỊ NGỌC	LINH	23155058	02/04/2005	7.50	x	
181	ĐỖ THỊ TRÚC	LINH	23128071	25/03/2005	6.00	x	
182	ĐỖ THUY NGỌC	LINH	23157034	29/06/2005	8.10	x	
183	PHẠM TUẤN	LINH	24120066	15/06/2006	10.00	x	
184	TÔN PHAN THÙY	LINH	22128091	31/10/2004	7.60	x	
185	TRẦN NGỌC KHÁNH	LINH	21127112	13/02/2003	7.30	x	
186	TRƯƠNG NHỰT	LINH	21124123	17/06/2003	5.00	x	
187	VÕ THỊ YẾN	LINH	23123047	08/04/2005	9.10	x	
188	BÙI VŨ XUÂN	LỘC	21125735	21/03/2003	7.90	x	
189	DƯƠNG MINH	LỘC	19128085	27/09/2001	6.30	x	
190	HUỲNH TẤN	LỘC	23112111	20/02/2005	7.50	x	
191	LÊ QUANG	LỘC	20128201	14/07/2002	7.60	x	
192	GIANG THỊ THU	LOAN	23120087	21/11/2005	5.00	x	
193	VÕ NGỌC	LOAN	23129216	25/07/2005	7.80	x	
194	NGUYỄN HUỲNH	LỢI	22113040	27/09/2004	5.00	x	
195	NGUYỄN THÀNH	LUÂN	23139039	17/08/2005	6.90	x	
196	ĐÀO CÔNG	LUẬN	22138057	10/05/2004	10.00	x	
197	NGUYỄN HÙNG	LUẬT	23139040	06/04/2005	8.30	x	
198	PHẠM THỊ	LY	19120111	24/09/2001	7.40	x	
199	NGUYỄN THỊ XUÂN	MAI	22122189	27/12/2004	8.60	x	
200	NGUYỄN VÕ THANH	MAI	23126110	24/10/2005	5.00	x	
201	TRẦN THỊ XUÂN	MAI	21135305	17/10/2003	2.10		
202	TRẦN VĂN	MẠNH	20213011	20/07/1980	3.60		
203	BÙI ANH	MINH	21112516	25/06/2003	8.80	x	

KẾT QUẢ THI TIN HỌC

Đợt thi tháng 09 năm 2025

Môn thi: ACCB

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	NG. SINH	ĐIỂM	Đạt	Ghi chú
204	BÙI ĐỨC	MINH	23129235	14/02/2005	6.80	x	
205	HỒ QUÍ	MINH	23124113	14/04/2005	6.30	x	
206	KIỀU HOÀNG DUY	MINH	22139148	20/03/2002	4.00		
207	NGUYỄN BẢO	MINH	23129239	12/07/2005	6.10	x	
208	NGUYỄN THÁI BÌNH	MINH	23112123	15/10/2005	5.50	x	
209	PHẠM CÔNG	MINH	23129240	20/05/2005	6.00	x	
210	PHAN NGỌC	MINH	23129241	23/09/2005	7.80	x	
211	PHÍ NGUYỄN ANH	MINH	24155090		8.60	x	
212	TẠ NHẬT	MINH	21153154	26/09/2003	7.50	x	
213	VÕ NGỌC YẾN	MINH	23155070	21/01/2005	5.00	x	
214	NGUYỄN THANH	MỪNG	23124118	20/05/2005	5.00	x	
215	ĐẶNG HỒNG HÀ	MY	23129246	08/03/2005	8.80	x	
216	ĐÌNH NGUYỄN TRÀ	MY	23123056	02/07/2005	8.90	x	
217	TRẦN LÂM THẢO	MY	23139048	14/04/2005	5.00	x	
218	TRỊNH THỊ DIỄM	MY	23149066	08/10/2005	7.00	x	
219	PHẠM THỊ	NA	22111070	28/08/2004	5.30	x	
220	NGUYỄN HẢI	ĐĂNG	20112199	14/05/2002	6.10	x	
221	NGUYỄN	ĐỈNH	22116013	27/06/2003	8.00	x	
222	NGÔ TIẾN	ĐẠT	23126032	22/07/2005	8.10	x	
223	NGUYỄN THÀNH	ĐẠT	21137059	24/10/2003	7.90	x	
224	NGUYỄN TIẾN	ĐẠT	21127087	19/09/2003	5.00	x	
225	NGUYỄN VĂN	ĐẠT	21118202	23/08/2003	6.00	x	
226	ĐOÀN THÀNH	ĐẠT	22122043	20/01/2004	8.40	x	
227	TẮT CHÍ	ĐẠT	21112407	09/05/2003	5.00	x	
228	VƯƠNG QUỐC	ĐẠT	22137016	07/12/2004	6.10	x	
229	CHU PHƯƠNG	NAM	20118199	07/04/2002	6.00	x	
230	HỒ HOÀNG	NAM	22138061	07/11/2004	6.00	x	
231	LÊ TRỌNG	NAM	23126117	08/01/2005	6.30	x	
232	NGUYỄN HẢI	NAM	21111293	13/06/2003	5.50	x	

KẾT QUẢ THI TIN HỌC

Đợt thi tháng 09 năm 2025

Môn thi: ACCB

STT	HỌ VÀ TÊN	MÃ SV	NG. SINH	ĐIỂM	Đạt	Ghi chú
233	NGUYỄN PHƯỚC YÊN ĐAN	23129073	01/10/2005	5.00	x	
234	TRẦN TÂM ĐAN	23157007	03/03/2005	6.50	x	
235	TRẦN THỊ TRÚC ĐANG	22116007	16/03/2004	4.00		
236	VÕ THỊ TUYẾT NGA	21117087	17/10/2003	5.00	x	
237	CAO THỊ KIM NGÂN	21125777	24/04/2003	5.30	x	
238	LÊ TUYẾT NGÂN	22122211	26/05/2004	7.40	x	
239	NGUYỄN THỊ CẨM NGÂN	22122213	16/06/2004	8.00	x	
240	NGUYỄN THỊ KIM NGÂN	23113079	25/01/2005	10.00	x	
241	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG NGÂN	23122155	26/04/2005	5.00	x	
242	PHAN THỊ THANH NGÂN	22155077	03/02/2004	7.00	x	
243	TRẦN THỊ KIM NGÂN	21128089	13/05/2003	6.10	x	
244	TRƯƠNG THẢO NGÂN	22128109	21/08/2004	5.00	x	
245	VÕ NGỌC THIÊN NGÂN	23123064	20/01/2005	6.90	x	
246	HOÀNG TRỌNG NGHI	23154042	21/10/2005	7.40	x	
247	NGUYỄN DIỆU NGHI	22120104	01/09/2004	8.40	x	
248	NGUYỄN NGỌC BẢO NGHI	23122160	17/06/2005	8.80	x	
249	NGUYỄN VŨ HOÀNG PHƯỚC NGHI	23112142	30/04/2005	8.80	x	
250	NGUYỄN KHẢ NGHIÊM	23129269	26/09/2005	5.50	x	
251	CAO TRÍ NGHĨA	20213048	04/11/1980	2.10		
252	LƯU TRỌNG NGHĨA	20112291	28/07/2001	7.40	x	
253	PHẠM XUÂN NGHĨA	24122126	17/11/2006	4.00		
254	CAO PHẠM HỒNG NGỌC	21155125	12/10/2003	5.00	x	
255	HUỲNH KIM NGỌC	23129272	14/01/2005	8.40	x	
256	LÊ THÀNH NGỌC	23112147	02/08/2005	7.60	x	
257	ĐẶNG BẢO NGỌC	23123067	18/04/2005	8.10	x	
258	NGUYỄN BẢO NGỌC	21112545	27/04/2003	8.40	x	
259	NGUYỄN THỊ HỒNG NGỌC	22124141	05/06/2004	9.30	x	
260	TRẦN LÊ BẢO NGỌC	23112153	15/12/2005	7.60	x	
261	TRẦN PHAN KHÁNH NGỌC	23112154	02/01/2005	7.80	x	

KẾT QUẢ THI TIN HỌC

Đợt thi tháng 09 năm 2025

Môn thi: ACCB

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	NG. SINH	ĐIỂM	Đạt	Ghi chú
262	TRẦN THỊ BÍCH	NGỌC	21129808	01/09/2003	10.00	x	
263	VŨ THỊ HỒNG	NGỌC	21125809	26/11/2003	5.30	x	
264	CAO NGUYỄN NHẬT	NGUYỄN	21124146	15/05/2003	5.00	x	
265	NGUYỄN KIM	NGUYỄN	23129285	17/11/2005	8.30	x	
266	PHẠM	NGUYỄN	24138040	10/06/2006	8.40	x	
267	PHẠM TRUNG	NGUYỄN	22111081	16/03/2004	4.00		
268	LƯU THÀNH	NHÂN	23153038	05/05/2005	8.10	x	
269	NGUYỄN ÁI	NHÂN	22129199	27/01/2004	10.00	x	
270	NGÔ HOÀNG	NHẠC	21153163	26/12/2003	8.80	x	
271	CAO THỊ UYẾN	NHI	23126141	14/07/2005	7.80	x	
272	HUỖNH NGUYỄN HOÀI	NHI	23128119	16/02/2005	5.50	x	
273	LƯƠNG MINH YẾN	NHI	21125827	22/12/2003	7.60	x	
274	NGUYỄN THỊ YẾN	NHI	22139071	16/12/2004	3.50		
275	NGUYỄN THỊ YẾN	NHI	23129313	01/02/2005	5.00	x	
276	PHẠM NGUYỄN BẢO	NHI	22112442	29/06/2004	8.10	x	
277	PHẠM THỊ YẾN	NHI	22121008	14/11/2004	5.50	x	
278	TẠ ÁI	NHI	21125835	22/05/2003	10.00	x	
279	TRẦN THỊ THẢO	NHI	22111084	04/05/2003	5.00	x	
280	TRƯƠNG LÊ QUYÊN	NHI	22139076	15/02/2004	5.50	x	
281	TRƯƠNG YẾN	NHI	22125212	02/02/2004	7.60	x	
282	VĂN THỊ YẾN	NHI	20112144	20/03/2002	7.80	x	
283	CAO HẠO	NHIÊN	21153169	30/05/2003	6.30	x	
284	HOÀNG QUỲNH	NHƯ	23124149	11/04/2005	5.00	x	
285	HUỖNH THỊ THU	NHƯ	22112239	04/02/2004	6.90	x	
286	LÂM HUỖNH	NHƯ	23122188	02/02/2005	6.50	x	
287	LÂM TÂM	NHƯ	23124150	26/08/2005	5.00	x	
288	LÂM TÂM	NHƯ	23129326	22/01/2005	7.30	x	
289	LẦU MỸ	NHƯ	23112177	26/08/2005	7.40	x	
290	LÊ HUỖNH	NHƯ	22122260	14/08/2004	7.00	x	

KẾT QUẢ THI TIN HỌC

Đợt thi tháng 09 năm 2025

Môn thi: ACCB

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	NG. SINH	ĐIỂM	Đạt	Ghi chú
291	NGUYỄN QUỲNH	NHƯ	23164017	24/09/2005	3.00		
292	NGUYỄN THỊ HUỖNH	NHƯ	21128102	17/12/2003	6.30	x	
293	ĐỖ THỊ HUỖNH	NHƯ	21113251	01/02/2003	5.50	x	
294	PHẠM THỊ QUỲNH	NHƯ	23122194	27/08/2005	5.50	x	
295	TRẦN THỊ TÚ	NHƯ	21122665	15/01/2003	2.50		
296	TRƯƠNG THỊ QUỲNH	NHƯ	23128130	27/11/2005	5.00	x	
297	VÕ TRẦN NGỌC	NHƯ	23122195	03/10/2005	8.30	x	
298	TĂNG THANH	NHỰT	21113258	14/06/2003	8.40	x	
299	HUỖNH HOÀNG	NHUẬN	21116187	19/06/2003	7.60	x	
300	HÀ THỊ	NHUNG	21126456	17/11/2003	8.40	x	
301	NGUYỄN TUYẾT	NHUNG	23124157	06/03/2005	5.50	x	
302	VƯƠNG QUỐC	NINH	22127018	19/01/2004	7.80	x	
303	NGUYỄN VĂN	ĐÔNG	21152040	24/09/2002	7.80	x	
304	BÙI ANH	ĐỨC	21113168	29/10/2003	6.30	x	
305	BÙI ANH	ĐỨC	23112046	20/06/2005	9.30	x	
306	MAI THÀNH	ĐỨC	21112415	28/06/2003	9.40	x	
307	VÕ HOÀNG	ĐỨC	23126041	05/04/2004	8.80	x	
308	NGUYỄN THỊ KIỀU	OANH	22122274	12/05/2004	7.30	x	
309	BÙI PHAN HỒNG	PHA	23122201	17/12/2005	5.00	x	
310	HUỖNH ĐẠI	PHÁT	23165010	26/09/2005	5.30	x	
311	NGUYỄN TẤN	PHÁT	23124163	28/07/2005	8.90	x	
312	ĐỖ XUÂN	PHÁT	21149229	04/12/2003	6.10	x	
313	ĐÀO SĨ	PHONG	20118226	03/08/2002	8.30	x	
314	NGUYỄN TRẦN THANH	PHONG	21118335	09/12/2003	8.80	x	
315	MẠC THỊ KIM	PHƯỢNG	23135057	10/11/2005	7.80	x	
316	BÙI THỊ	PHƯỢNG	23129361	11/05/2005	7.60	x	
317	NGUYỄN THÁI	PHƯỢNG	22128148	11/03/2004	7.30	x	
318	ĐỖ BÍCH	PHƯỢNG	22126144	16/01/2004	7.10	x	
319	ĐOÀN NỮ HOÀI	PHƯỢNG	22125229	30/08/2004	10.00	x	

KẾT QUẢ THI TIN HỌC

Đợt thi tháng 09 năm 2025

Môn thi: ACCB

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	NG. SINH	ĐIỂM	Đạt	Ghi chú
320	BÙI MINH	PHƯỚC	22113065	05/02/2004	8.60	x	
321	NGUYỄN HỮU	PHƯỚC	22118133	12/12/2004	3.00		
322	THÁI THANH	PHƯỚC	21132054	16/03/2003	8.10	x	
323	CÔNG VĂN	PHỤNG	23137046	04/10/2005	7.60	x	
324	QUẢNG THỊ KIM	PHỤNG	23135054	10/03/2005	8.00	x	
325	NGUYỄN LÊ QUỐC	PHÚ	22145053	23/02/2004	7.30	x	
326	NGUYỄN THIÊN	PHÚ	21124172	30/03/2003	7.90	x	
327	PHẠM HOÀNG	PHÚC	22113064	29/12/2004	6.30	x	
328	VÕ	PHÚC	19112376	19/09/2001	5.00	x	
329	DƯ MỸ	QUÂN	23112209	02/02/2005	6.90	x	
330	ĐẶNG MINH	QUÂN	21118345	10/06/2003	8.90	x	
331	TRẦN NGUYỄN ANH	QUÂN	23112212	16/11/2005	7.40	x	
332	VŨ PHÚC MINH	QUÂN	21145193	26/08/2003	6.30	x	
333	NGUYỄN NHẬT	QUANG	23124185	08/01/2005	8.10	x	
334	TRẦN MINH	QUANG	23138073	22/11/2005	4.00		
335	LÊ VĂN	QUỐC	21145058	13/11/2003	5.50	x	
336	NGÔ MỸ	QUYÊN	23122219	17/10/2005	7.40	x	
337	NGUYỄN CẨM	QUYÊN	20124453	20/09/2002	8.00	x	
338	NGUYỄN THỊ YẾN	QUYÊN	19137055	12/04/2001	6.90	x	
339	VÕ THỊ TRÚC	QUYÊN	23126171	25/04/2005	7.90	x	
340	VÕ THỊ TUYẾT	QUYÊN	24123137		8.30	x	
341	LÊ PHẠM NHƯ	QUỲNH	23123090	03/11/2005	6.50	x	
342	ĐÀO THỊ CẨM	QUỲNH	17612007	22/12/1994	7.40	x	
343	NGUYỄN NHƯ PHƯƠNG	QUỲNH	22129244	20/05/2004	5.00	x	
344	NGUYỄN THỊ TRÚC	QUỲNH	21111334	26/12/2003	7.80	x	
345	VÕ THỊ NHÃ	QUỲNH	22139094	17/06/2004	6.10	x	
346	LÊ QUANG	SANG	24113125	06/10/2006	5.50	x	
347	LÊ VĂN	SANG	20213019	27/07/1973	0.00		
348	TRẦN GIANG	SƠN	21118366	06/08/2003	6.50	x	

KẾT QUẢ THI TIN HỌC

Đợt thi tháng 09 năm 2025

Môn thi: ACCB

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	NG. SINH	ĐIỂM	Đạt	Ghi chú
349	TRỊNH THỊ TUYẾT	SƯƠNG	21112618	15/01/2003	6.90	x	
350	TRẦN THỊ THANH	TÂM	23129394	02/01/2005	8.40	x	
351	TRƯƠNG KHIẾT	TÂM	24126181	25/10/2006	8.00	x	
352	TRẦN NGUYỄN HOÀNG	TÂN	21118371	18/04/2003	8.10	x	
353	LÊ THÀNH	TÀI	22120229	15/01/2004	5.50	x	
354	NGUYỄN HỮU	TÀI	22129252	28/10/2004	7.00	x	
355	NGUYỄN KHA TẤN	TÀI	23126177	19/09/2005	8.00	x	
356	NGUYỄN ĐỨC	TÀI	23126176	24/08/2005	8.30	x	
357	NGUYỄN THANH	TÀI	23126180	05/03/2005	8.10	x	
358	BÙI XUÂN QUỐC	THẮNG	22120164	06/04/2004	7.10	x	
359	HỒ QUỐC	THẮNG	23129398	26/12/2005	9.30	x	
360	NGUYỄN ĐÌNH	THẮNG	20118253	12/10/2002	3.90		
361	PHẠM HỮU	THẠCH	24138054	09/11/2006	7.30	x	
362	TRẦN ĐỨC	THẠNH	22145074	28/04/2004	8.60	x	
363	NGUYỄN HOÀNG YẾN	THANH	22120166	08/02/2004	7.10	x	
364	PHAN VĂN	THÀ	21137132	11/04/2003	6.60	x	
365	PHẠM VIỆT TIẾN	THÀNH	17115099	02/12/1998	5.50	x	
366	LÊ VĂN ANH	THÁI	23128156	09/07/2005	8.40	x	
367	BÙI VÕ MINH	THẢO	22112302	30/04/2004	7.80	x	
368	CAO PHƯƠNG	THẢO	23129401	14/03/2005	8.30	x	
369	LÊ THỊ NGỌC	THẢO	23155116	25/06/2005	6.00	x	
370	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	THẢO	22122347	24/09/2004	7.00	x	
371	PHẠM NGỌC THIÊN	THẢO	22112306	05/05/2004	10.00	x	
372	NGUYỄN THỊ CHÂU	THI	23112245	31/01/2005	6.00	x	
373	NGUYỄN VĂN	THIỆN	22128180	16/05/2004	5.50	x	
374	TRẦN ÁI	THIỆN	20149226	03/03/2002	3.00		
375	NGUYỄN HOÀNG	THIỆN	22128181	20/04/2004	6.60	x	
376	NGUYỄN MINH	THIỆN	23118097	08/12/2005	8.00	x	
377	ĐỖ DUY	THIỆN	23122254	26/05/2005	7.60	x	

KẾT QUẢ THI TIN HỌC

Đợt thi tháng 09 năm 2025

Môn thi: ACCB

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	NG. SINH	ĐIỂM	Đạt	Ghi chú
378	ĐỖ THANH	THIỆN	22129272	26/10/2004	5.00	x	
379	TRẦN ANH	THIỆN	22115065	24/02/2004	7.00	x	
380	VÕ LÊ KIM	THỞ	24122198	10/12/2005	7.30	x	
381	LÊ ANH	THỨ	22115068	21/03/2004	5.00	x	
382	LÊ ANH	THỨ	22122367	11/01/2004	5.00	x	
383	LÊ ANH	THỨ	22111113	06/12/2004	6.00	x	
384	LÊ THỊ	THỨ	23129429	26/05/2005	6.10	x	
385	LƯU ANH	THỨ	23112257	26/04/2005	6.80	x	
386	NGUYỄN NGỌC MINH	THỨ	22126172	02/09/2004	6.00	x	
387	NGUYỄN THANH	THỨ	22116090	26/05/2004	2.80		
388	NGUYỄN THỊ ANH	THỨ	23129433	29/10/2005	7.80	x	
389	NGUYỄN THỊ KIM	THỨ	23126214	04/05/2005	6.10	x	
390	NGUYỄN THỊ MINH	THỨ	23123098	27/04/2005	10.00	x	
391	TRẦN MINH	THỨ	23135077	11/08/2005	6.60	x	
392	TRẦN NGỌC ANH	THỨ	23126215	01/11/2005	7.10	x	
393	TRẦN THỊ ANH	THỨ	23122266	17/09/2005	8.10	x	
394	VÕ THỊ ANH	THỨ	21124507	28/10/2003	5.00	x	
395	LÊ TRƯỞNG TẤN	THOẠI	19139156	16/11/2001	7.30	x	
396	NGUYỄN TẤN	THỐNG	22112316	26/02/2004	8.60	x	
397	LƯU MINH	THÔNG	22112315	19/03/2004	7.90	x	
398	NGUYỄN THÀNH	THỊNH	22155108	02/02/2004	8.30	x	
399	TRẦN THỊ KIM	THƯƠNG	22123144	25/05/2004	6.00	x	
400	VŨ NGUYỄN HOÀI	THƯƠNG	22128195	02/03/2004	6.60	x	
401	HUỲNH CAO	THUẤN	22112327	06/01/2004	9.10	x	
402	ĐẶNG MỸ	THUẬN	23164024	03/05/2005	8.10	x	
403	ĐẶNG VĂN	THUẬN	20118265	23/01/2002	4.00		
404	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG	THÙY	22149077	16/09/2004	5.00	x	
405	HỒ THỊ THANH	THÚY	23164025	09/12/2005	5.00	x	
406	NGUYỄN HỒ	THÚY	22115073	26/09/2004	3.30		

KẾT QUẢ THI TIN HỌC

Đợt thi tháng 09 năm 2025

Môn thi: ACCB

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	NG. SINH	ĐIỂM	Đạt	Ghi chú
407	NGUYỄN THỊ THANH	THÚY	21124511	01/10/2003	2.90		
408	ĐÀO ĐÌNH	TIẾN	23127034	26/11/2005	6.30	x	
409	NGUYỄN DUY	TIẾN	23129460	26/08/2005	7.30	x	
410	NGUYỄN TẤN	TIẾN	23126230	30/06/2005	7.60	x	
411	NGUYỄN HÀ THỦY	TIÊN	23117034	29/04/2005	6.50	x	
412	NGUYỄN THỊ CẨM	TIÊN	23122277	27/11/2005	6.80	x	
413	NGUYỄN THỊ CẨM	TIÊN	23129457	15/07/2005	6.30	x	
414	NGUYỄN THỊ MỸ	TIÊN	23129458	01/12/2005	8.50	x	
415	NGUYỄN THỊ MỸ	TIÊN	23149100	29/01/2005	5.00	x	
416	PHẠM VŨ THỦY	TIÊN	21133071	30/10/2003	6.00	x	
417	PHAN MINH	TIỆP	23129465	02/08/2005	5.00	x	
418	LÂM NGUYỄN CHÍ	TUỜNG	21139200	03/08/2003	6.80	x	
419	LÊ NGUYỄN CÁT	TUỜNG	23112293	08/04/2005	6.10	x	
420	NGUYỄN THỊ KIM	TUỐC	21122382	05/06/2003	3.60		
421	NEÁNG SÓC CHÉTH	TRA	23112272	14/08/2005	5.00	x	
422	HOÀNG LÊ BÍCH	TRÂM	22149084	16/01/2004	5.00	x	
423	NGUYỄN HOÀI BÍCH	TRÂM	23129475	20/04/2005	8.40	x	
424	ĐIỀU THỊ BÍCH	TRÂM	22124219	29/04/2004	7.90	x	
425	ĐỖ NGỌC BÍCH	TRÂM	23112273	09/10/2003	10.00	x	
426	PHẠM HOÀNG	TRÂM	21139463	28/03/2003	6.80	x	
427	PHẠM VŨ NHÃ	TRÂM	19124293	29/11/2001	6.00	x	
428	TRƯƠNG NGỌC BẢO	TRÂM	23122293	23/04/2005	7.30	x	
429	VŨ NGỌC BÍCH	TRÂM	22123159	25/01/2004	7.50	x	
430	NGUYỄN LÊ BẢO	TRÂN	21120551	11/09/2003	8.90	x	
431	NGUYỄN NGỌC	TRĂM	23129479	24/11/2005	6.00	x	
432	NGÔ KIỀU	TRANG	22122410	06/05/2004	8.10	x	
433	PHẠM TRẦN MINH	TRANG	23157075	27/12/2005	4.00		
434	VÕ THỊ THÙY	TRANG	23115053	21/09/2005	3.50		
435	VŨ PHẠM THÙY	TRANG	23129490	25/01/2005	6.60	x	

KẾT QUẢ THI TIN HỌC

Đợt thi tháng 09 năm 2025

Môn thi: ACCB

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	NG. SINH	ĐIỂM	Đạt	Ghi chú
436	NGUYỄN THANH	TRÀ	23129468	20/09/2005	6.80	x	
437	NGUYỄN KHẮC	TRÍ	23129492	31/03/2005	8.90	x	
438	NGUYỄN MINH	TRÍ	23118104	20/08/2005	8.90	x	
439	NGUYỄN MINH	TRÍ	23118106	20/07/2005	9.40	x	
440	NGUYỄN VĂN MINH	TRÍ	23129493	31/01/2005	9.40	x	
441	HỒ THỊ MỸ	TRINH	22112366	07/09/2004	7.40	x	
442	DƯƠNG THANH	TRỌNG	23118110	28/01/2005	8.10	x	
443	BÙI VĂN	TRƯỜNG	22128219	20/12/2004	9.30	x	
444	LÊ XUÂN	TRƯỜNG	23118113	25/10/2005	8.80	x	
445	PHẠM QUỐC	TRUNG	23118112	14/07/2005	6.10	x	
446	HỒ THANH	TRÚC	23120206	11/07/2005	3.10		
447	HỒ THANH	TRÚC	23129502	02/01/2005	7.10	x	
448	HUỲNH NGỌC	TRÚC	17112234	04/06/1999	8.00	x	
449	NGUYỄN THỊ THANH	TRÚC	23129508	20/07/2005	7.80	x	
450	NGUYỄN VŨ THIÊN	TRÚC	20115154	08/11/2002	8.10	x	
451	VÕ NGỌC THANH	TRÚC	22122423	12/07/2004	8.80	x	
452	LÊ ANH	TUẤN	20118281	06/10/2002	6.90	x	
453	LÊ MINH	TUẤN	22113094	02/10/2004	7.30	x	
454	LƯƠNG THANH	TUẤN	23118117	22/10/2005	7.80	x	
455	PHAN ANH	TUẤN	22113095	08/05/2004	6.50	x	
456	PHAN KIM	TUỆ	23139110	01/10/2005	7.60	x	
457	BÙI SƠN	TÙNG	21138079	02/10/2003	5.00	x	
458	NGUYỄN SƠN	TÙNG	20139369	14/11/2002	5.00	x	
459	HUỲNH TUẤN	TÚ	21128270	09/07/2003	7.00	x	
460	HUỲNH THỊ THANH	TUYỀN	23123125	08/12/2005	5.50	x	
461	LÊ THANH	TUYỀN	23123126	01/08/2005	7.30	x	
462	NGUYỄN THANH	TUYỀN	21113115	27/08/2003	7.90	x	
463	TRẦN THỊ THANH	TUYỀN	23126261	06/10/2005	7.30	x	
464	TRẦN THỊ ÁNH	TUYẾT	20128306	21/10/2002	6.90	x	

KẾT QUẢ THI TIN HỌC

Đợt thi tháng 09 năm 2025

Môn thi: ACCB

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	NG. SINH	ĐIỂM	Đạt	Ghi chú
465	LÂM ĐỖ TỐ	UYÊN	23145103	26/10/2005	1.50		
466	NGUYỄN HUỖNH KIM	UYÊN	20126408	05/09/2002	7.60	x	
467	NGUYỄN THỊ THANH	VÂN	23129532	19/04/2005	5.00	x	
468	PHẠM THẾ	VINH	23139118	14/08/2005	10.00	x	
469	TRẦN TRIỆU	VĨ	21113345	29/08/2003	8.10	x	
470	KIỀU THỊ TÝ	VON	21120596	08/07/2003	6.60	x	
471	TRẦN PHẠM QUỐC	VƯƠNG	23149114	01/09/2005	5.00	x	
472	LÊ	VŨ	20153141	15/02/2002	8.40	x	
473	MAI ANH	VŨ	23127037	30/07/2005	8.90	x	
474	HUỖNH HỒNG KHÁNH	VY	21157130	20/10/2003	5.50	x	
475	NGUYỄN DIỆP THÚY	VY	23112307	03/01/2005	7.80	x	
476	ĐỖ NGỌC PHƯƠNG	VY	22128241	16/11/2004	8.10	x	
477	TRẦN NGỌC KIẾN	VY	20116294	05/09/2002	7.30	x	
478	TRẦN THỊ TƯỜNG	VY	23126287	19/03/2005	3.50		
479	DƯƠNG LỢI	VỸ	22165026	30/01/2004	6.00	x	
480	LÊ THANH KIM	XUÂN	21112732	25/02/2003	8.30	x	
481	TRẦN ĐÌNH	XUÂN	21118434	08/01/2003	8.10	x	
482	TRẦN THỊ YẾN	XUÂN	23149116	20/05/2005	5.50	x	
483	TRƯƠNG THỊ ĐÔNG	XUÂN	23112317	27/01/2005	8.10	x	
484	HỒ THỊ	YẾN	23129564	12/01/2005	5.00	x	
485	LÊ HẢI	YẾN	18120298	23/08/2000	6.00	x	
486	ĐÀO THỊ NGỌC	YẾN	22112433	01/02/2004	5.00	x	
487	NGUYỄN KIM	YẾN	22128252	23/05/2004	7.40	x	
488	PHẠM HUỖNH PHI	YẾN	20112422	18/06/2002	7.80	x	
489	TRẦN THỊ HẢI	YẾN	21128277	30/05/2003	8.60	x	
490	HUỖNH NGUYỄN NHƯ	Ý	23164029	31/10/2005	2.50		
491	LÊ THỊ NHƯ	Ý	23117041	29/01/2005	6.30	x	
492	TRẦN ĐỖ NHƯ	Ý	23129562	06/10/2005	8.90	x	
493	TRƯƠNG DƯƠNG NHƯ	Ý	23129563	17/02/2005	8.90	x	

KẾT QUẢ THI TIN HỌC

Đợt thi tháng 09 năm 2025

Môn thi: ACCB

STT	HỌ VÀ TÊN	MÃ SV	NG. SINH	ĐIỂM	Đạt	Ghi chú
TRUNG TÂM TIN HỌC						